

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng
Cụm công nghiệp Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
(nay là xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH MTV Tuấn Kiệt - TK tại Văn bản số 36/CV-MT ngày 19 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 548/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Tuấn Kiệt - TK (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân xã Chí Minh và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã Chí Minh căn cứ thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tuấn Kiệt - TK và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Tuấn Kiệt - TK;
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử (để công QĐ);
- UBND xã Chí Minh;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NN&MT, NVKTGS;
- Lưu: VT, N.X.Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG
CỤM CÔNG NGHIỆP VĂN TỐ, HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG
(NAY LÀ XÃ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- Địa điểm thực hiện Dự án: phía Nam đường tỉnh 391, thuộc địa phận xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Tuấn Kiệt - TK (Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương).
- Địa chỉ liên hệ: thôn Mỹ Ân, xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng.

1.2. Quy mô, công suất

Khu vực dự án có tổng diện tích 351.780 m² (35,178 ha), bao gồm:

- Đất hành chính, dịch vụ thương mại: có diện tích 16.061 m², bao gồm các công trình dịch vụ phục vụ Cụm công nghiệp.
 - Đất công nghiệp: có diện tích 234.621 m² bao gồm: Đất công nghiệp hiện trạng: 59.727 m²; đất công nghiệp quy hoạch: 174.894 m², xây dựng các nhà máy, nhà xưởng sản xuất.
 - Khu đất kỹ thuật: có diện tích 6.623 m², bố trí các công trình kỹ thuật đầu mối của Cụm công nghiệp như: trạm xử lý nước thải, bãi tập kết chất thải rắn, trạm biến áp.
 - Khu đất cây xanh: có diện tích 53.188 m², trồng tập trung tại những diện tích đất góc cạnh, giáp ranh khu dân cư và bao quanh tường rào; Cây xanh tập trung kết hợp cây xanh trồng trong các lô công nghiệp, khu dịch vụ và vỉa hè đường giao thông, tạo cảnh quan chung cho tổng thể cụm công nghiệp, đồng thời giảm ô nhiễm môi trường.
 - Đất giao thông: 41.287m² trong đó: đất giao thông nội bộ 28.971 m²; đất hành lang đường 391 và đường vào thôn Lâm Đồng 12.316 m².
- Đầu tư xây dựng công trình nhà văn phòng điều hành tại lô đất hành chính, dịch vụ thương mại; diện tích xây dựng 300m², số tầng cao: 03 tầng.

1.3. Ngành nghề thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp

Ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN Văn Tổ bao gồm: Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; các ngành công nghiệp hỗ trợ; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động; các ngành nghề truyền thống của địa phương. Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường hoặc ít gây ô nhiễm môi trường theo đúng định hướng tại Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Các dự án đầu tư phải đảm bảo không thuộc danh mục dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô công suất lớn và trung bình quy định tại Phụ lục II Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Chi tiết mã ngành như sau:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025
I	Sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm (không bao gồm dự án chế biến thủy sản; giết mổ gia súc, gia cầm; Chế biến thức ăn gia súc, gia cầm)	C101, C103, C104, C105, C106, C107
II	<i>Các ngành công nghiệp hỗ trợ (theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ)</i>	
1	Ngành dệt may (trừ các dự án nhuộm, nấu sợi, giặt mài)	C13, C14
2	Ngành da giày (trừ các dự án thuộc da)	C15 (không bao gồm C1511)
3	Ngành điện tử (không bao gồm sản xuất các sản phẩm có một trong các công đoạn: mạ; phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng chất độc; gia công sửa chữa hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở Việt Nam với công suất lớn, trung bình theo quy định tại Nghị định 48/2026/NĐ-CP)	C26
4	Ngành sản xuất lắp ráp ô tô (trừ sản xuất các sản phẩm có công đoạn mạ kim loại; mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất với công suất lớn, trung bình theo quy định tại Nghị định 48/2026/NĐ-CP)	C29

5	Ngành cơ khí chế tạo (trừ sản xuất các sản phẩm có công đoạn mạ kim loại; mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất với công suất lớn, trung bình theo quy định tại Nghị định 48/2026/NĐ-CP)	C24,C25,C28,C30, C32, C33 (không bao gồm C252)
6	Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao	C18; C24 (chỉ có một hoặc nhiều công đoạn: cán; kéo; đúc từ phôi nguyên liệu), C25, C26, C27 (không bao gồm sản xuất sản phẩm có một trong các công đoạn mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng hóa chất độc hại với quy mô lớn, trung bình theo quy định tại Nghị định 48/2026/NĐ-CP), C28, C30, C32, C33 (không bao gồm C252); C222 (không bao gồm sản xuất bao bì nhựa, túi nilon khó phân hủy)
III	Các dự án có công nghệ cao, tiên tiến theo quyết định số 23/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng	Không bao gồm các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn, trung bình theo quy định tại Phụ lục II nghị định 48/2026/NĐ-CP
IV	Đào tạo nghề cho công nhân	

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: hoạt động rà phá bom mìn, hoạt động giải phóng mặt bằng; hoạt động san nền; thi công đường giao thông nội bộ; thi công hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải; thi công hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy; thi công hệ thống cấp điện, chiếu sáng; lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc; xây dựng khu nhà điều hành cụm công nghiệp; trồng cây xanh; trạm xử lý nước thải tập trung; hồ sự cố; hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải tập trung; kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho lưu giữ chất thải nguy hại, kho chứa hóa chất; xây dựng hoàn trả công trình thủy lợi bị ảnh hưởng; xây dựng nút giao kết nối Cụm công nghiệp với TL391; xây dựng công trình nhà văn phòng điều hành tại lô đất hành chính, dịch vụ thương mại; diện tích xây dựng 300 m², số tầng cao: 03 tầng.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi

công; hoạt động kiểm đếm, đền bù; nội dung hồ sơ môi trường của các nhà đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp; hoạt động xây dựng ngân hàng, dịch vụ ăn uống, khu thể thao, giải trí, y tế, viễn thông; khu đào tạo dạy nghề cho công nhân tại khu đất hành chính, dịch vụ thương mại.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 16,48507 ha theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, sinh kế của các hộ dân.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, hoàn trả kênh mương, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, tiêu thoát nước khu vực xung quanh Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của khu nhà điều hành dịch vụ và hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, bùn thải.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông di chuyển trong phạm vi Cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 9 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công khoảng 18,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước thải từ hoạt động trộn vữa, bảo dưỡng bê tông khoảng 3,2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước tác ra từ quá trình bơm cát khoảng 68 m³/ngày. Thông số ô nhiễm TSS (tổng chất rắn lơ lửng).

b) Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa; bơm cát san nền; hoạt động đào đắp thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc thi công xây dựng; hoạt động xây dựng của dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 160 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi ni lông, vỏ hộp, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa.

b) Chất thải xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 36,27 tấn. Thành phần chủ yếu các loại cây bụi, cỏ và rơm rạ sau thu hoạch.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tầng đất mặt đất trồng lúa khoảng 32.971,4 m³ được tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh.

- Bùn, đất màu từ quá trình vét hữu cơ khác: 34.687,01 m³.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 1.640,92 tấn. Thành phần gồm vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, đầu mấu sắt thép, dây thép, cốp pha hỏng, gạch, đá.

- Bùn cặn tại hố lắng cầu rửa xe khoảng 15 tấn.

c) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Dầu thải: 220,13 kg/tháng; giẻ lau dính dầu, vải lọc dầu: 39,17 kg/tháng; bóng đèn huỳnh quang vỡ: 10,15 kg/tháng; ắc quy hỏng: 4,35 kg/tháng; kim loại thải (đầu mấu que hàn, vỏ thùng sơn): 88,85 kg/tháng; dầu mỡ thải từ quá trình rửa xe tại công trường: 4 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ các thiết bị thi công, hoạt động xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn trên phần diện tích đang thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 1.935 m³/h (trong ngày có lượng mưa lớn nhất). Thông số ô nhiễm chủ yếu: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Tác động đến các đối tượng, công trình thuộc diện thu hồi, giải phóng mặt bằng: đất nông nghiệp, kênh mương nội đồng; di chuyển đường điện trung thế hiện có 35 kV; lưu trữ lớp đất hữu cơ.

- Tác động đến các đối tượng, công trình xung quanh do hoạt động thi công, xây dựng dự án: khu dân cư lân cận; giao thông khu vực; an ninh, xã hội; hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

Tổng lượng nước thải dự kiến phát sinh từ hoạt động của Dự án (bao gồm cả nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp) trong giai đoạn vận hành lớn nhất khoảng 450 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Độ màu, Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr⁶⁺), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Xianua (CN⁻), Amoni (N-NH₄⁺), Tổng Phenol, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S²⁻), Florua (F⁻), Clorua (Cl⁻), Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide), Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ (tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion), PCB ((Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB153, PCB 180), Chất hoạt động bề mặt anion.

b) Khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Cụm công nghiệp và hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Mùi phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, Mercaptane, CO₂, CH₄,...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu nhà điều hành, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 0,2 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp là 10,55 tấn/ngày; bùn từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa với khối lượng khoảng 41 m³/lần nạo; cành lá cây từ hoạt động cắt tỉa, chăm sóc cây xanh và hoạt động vệ sinh mặt bằng Cụm công nghiệp khoảng 500 kg/năm.

c) Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các nhà đầu tư thứ cấp là 0,2 tấn/ngày;

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng Cụm công nghiệp khoảng 78.000 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; dầu mỡ thải; pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải; linh kiện thiết bị điện tử thải; hộp mực in thải; bao bì chứa chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại là bùn thải của hệ thống xử lý nước thải là 99 tấn/năm

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn từ hoạt động vận tải và phương tiện cá nhân ra vào Cụm công nghiệp; máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí trên công trường 08 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích 2,0 m³/nhà để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước tách ra từ quá trình bơm cát san nền: Thu gom về rãnh thu, hố lắng tạm (07 hố, dung tích 39 m³/hố) để lắng cặn chất rắn lơ lửng sau đó bơm đẩy theo đường ống HDPE D350 để thoát ra mương thoát nước của khu vực ở phía Nam dự án.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải từ quá trình rửa xe, vệ sinh dụng cụ thi công: Xây dựng hố lắng tạm thời để thu gom nước rửa cốt liệu, nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước thải rửa xe trên công trường thi công, kích thước khoảng 3m × 4m × 1,5m, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vớt hút dầu để tách váng dầu trên bề mặt. Vớt hút dầu (chất thải chứa dầu) được thay thế định kỳ 1 tuần/lần, được thu gom khu lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng để tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công. Bùn thải tại hố lắng tạm được hút vào xe bồn, chở đi xử lý cùng với chất thải xây dựng theo quy định.

Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu, nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước rửa xe → Hố lắng có vớt tách dầu → Tái sử dụng để tưới ẩm.

+ Nước thải từ hoạt động thi công công thoát nước được thu gom vào hố lắng tạm có đặt gôl thấm dầu để lắng cặn chất rắn, tách váng dầu mỡ.

+ Nước thải từ hoạt động đào hố móng công trình hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp: Bố trí rãnh thu dẫn nước vào các hố lắng tạm (khoảng 3 m³/hố) có đặt gôl thấm dầu để tách váng dầu mỡ; nước thải từ quá trình đào

khuôn đường: bố trí rãnh thu dọc hai bên khuôn đường, trung bình cứ 10 m bố trí một hố lắng tạm (khoảng 2 m³/hố) có đặt gôïi thấm dầu.

Nước thải thi công được thu gom, lắng cặn, tách váng dầu mỡ và tái sử dụng cho hoạt động tưới bụi công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu.

b) Giai đoạn vận hành

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh tại nhà điều hành Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại (8,3 m³/bể); nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (03 m³); nước rửa tay, thoát sàn và nước thải ăn uống tại nhà ăn trong nhà điều hành CCN được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tách mỡ 3 ngăn (03 m³), sau đó được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động của các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) sau khi xử lý sơ bộ đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi do Ban quản lý cụm công nghiệp yêu cầu được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp như sau:

Giá trị giới hạn cho phép của COD , BOD, TSS			
TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm của nước thải đầu vào trạm xử lý
1	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 °C)	mg/l	350
2	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	400
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	260
Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm khác trong nước thải công nghiệp			
TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm của nước thải chảy vào trạm xử lý
1	pH	-	6-9
2	Nhiệt độ	°C	≤ 40
3	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	60
4	Tổng Phốt pho (T-P) Nguồn nước tiếp nhận là sông, vùng nước biên	mg/l	10
5	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	-

6	Độ màu	Pt/Co	100
7	Asen (As)	mg/l	$\leq 0,05$
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	$\leq 0,001$
9	Chì (Pb)	mg/l	$\leq 0,1$
10	Cadmi (Cd)	mg/l	$\leq 0,02$
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	$\leq 0,1$
12	Tổng Crom (Cr)	mg/l	$\leq 0,5$
13	Đồng (Cu)	mg/l	$\leq 1,0$
14	Kẽm (Zn)	mg/l	$\leq 1,0$
15	Niken (Ni)	mg/l	$\leq 0,1$
16	Mangan (Mn)	mg/l	$\leq 2,0$
17	Sắt (Fe)	mg/l	$\leq 2,0$
18	Bari (Ba)	mg/l	$\leq 1,0$
19	Antimon (Sb)	mg/l	$\leq 0,02$
20	Thiếc (Sn)	mg/l	$\leq 0,5$
21	Selen (Se)	mg/l	$\leq 0,1$
22	Xianua (CN ⁻)	mg/l	$\leq 0,2$
23	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	60
24	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	$\leq 0,1$
25	Tổng Phenol	mg/l	$\leq 1,0$
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	80
27	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	80
28	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0.2
29	Florua (F ⁻)	mg/l	10
30	Clorua (Cl ⁻) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500
31	Clo dư	mg/l	1
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide	mg/l	0.05
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl- parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion	mg/l	0.03

34	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	mg/l	0.003
35	Dioxin/Furan	pgTEQ/L	≤ 10
36	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l	$\leq 7,5$
37	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 3,0$
38	Pentachlorophenol (C_6Cl_5OH)	mg/l	$\leq 0,001$
39	Trichloroethylene ($CH-CCl_3$)	mg/l	$\leq 0,06$
40	Tetrachloroethylene (C_2Cl_4)	mg/l	$\leq 0,04$
41	Benzene (C_6H_6)	mg/l	$\leq 0,01$
42	Methylene chloride (Dichloromethane - CH_2Cl_2)	mg/l	$\leq 0,02$
43	Carbon tetrachloride (CCl_4)	mg/l	$\leq 0,004$
44	1,1-dichloroethylene (CH_2CCl_2)	mg/l	$\leq 0,05$
45	1,2-dichloroethane ($C_2H_4Cl_2$)	mg/l	$\leq 0,03$
46	Chloroform ($CHCl_3$)	mg/l	$\leq 0,3$
47	1,4-Dioxane ($C_4H_8O_2$)	mg/l	$\leq 0,05$
48	Diethylhexylphthalate (DEHP) ($C_6H_4(CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/l	$\leq 0,02$
49	Vinyl chloride ($CH_2=CHCl$)	mg/l	$\leq 0,01$
50	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/l	$\leq 0,01$
51	Bromoform ($CHBr_3$)	mg/l	$\leq 0,1$
52	Naphthalene ($C_{10}H_8$)	mg/l	$\leq 0,05$
53	Formaldehyde ($HCHO$)	mg/l	$\leq 1,0$
54	Epichlorohydrin (C_3H_5ClO)	mg/l	$\leq 0,03$
55	Toluene ($C_6H_5-CH_3$)	mg/l	$\leq 0,7$
56	Xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$)	mg/l	$\leq 0,5$
57	Perchlorate (ClO_4^-)	mg/l	$\leq 0,03$
58	Acrylamide ($CH_2=CH-CONH_2$)	mg/l	$\leq 0,015$
59	Styrene ($C_6H_5CH=CH_2$)	mg/l	$\leq 0,02$
60	Bis (2-ethylhexyl) adipate ($((CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/l	$\leq 0,2$
61	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	mg/l	$\leq 5,0$

- Đầu tư xây dựng và vận hành 01 trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cụm công nghiệp, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi xả ra ngoài môi trường:

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể bơm đầu vào → Bể tách dầu mỡ, lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể trộn hóa chất 1 → Bể phản ứng 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Hộp chia lưu lượng → Bể thiếu khí modul 1/Bể thiếu khí modul 2 → Bể hiếu khí modul 1/Bể hiếu khí modul 2 → Ngăn bơm tuần hoàn nước → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH 2 → Bể trộn hóa chất 2 → Bể lắng phản ứng 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) → điểm tiếp nhận nước thải.

+ Vị trí xả nước thải theo Văn bản số 01/HTXDVNN ngày 05/8/2025 của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Chí Minh (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°), cụ thể: $X(m) = 2300070,293$; $Y(m) = 571199,181$.

+ Công suất trạm xử lý nước thải tập trung: $550 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

+ Phương thức xả thải: Xả mặt liên tục 24 giờ/ngày.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước của khu vực.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành 01 hồ sự cố nước thải có thể tích chứa nước 550 m^3 có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải phục vụ giai đoạn thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng Dự án, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư và hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ra điểm xả nước thải và thoát ra mương thoát nước khu vực. Không được phép xả nước thải không đáp ứng yêu cầu này ra môi trường trong mọi trường hợp.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành 01 hồ sơ cố nước thải dung tích là 550 m³ có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thỏa thuận với chủ các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp về trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung; điều kiện được tiếp nhận và tạm dừng tiếp nhận nước thải từ các dự án/cơ sở thứ cấp về trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án thông qua văn bản thỏa thuận.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Lắp đặt tường rào xung quanh vị trí thi công; che phủ bạt đối với các bãi chứa đất hữu cơ và tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Bố trí 01 cầu rửa bánh xe phương tiện vận chuyển tại công trường, đảm bảo tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công, tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng 53.188 m².

- Máy phát điện sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%)

để giảm thiểu lượng phát thải SO_2 ; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với khu vực khác.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Dự án.

- Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh, đảm bảo QCVN 01:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người:

- + Lưu lượng thiết kế: $600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- + Công nghệ xử lý: Khí thải $\rightarrow$ Hệ thống đường ống $\rightarrow$ Tháp xử lý sử dụng dung dịch hấp thụ NaOH và vật liệu lọc $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Ống thải ra ngoài môi trường. Chất lượng mùi, khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Không bố trí các dự án thứ cấp có phát sinh bụi, khí thải, mùi khó chịu có thể gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến không khí xung quanh ở các lô đất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với khu dân cư.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Giám sát, yêu cầu nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường của từng Dự án.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu; khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Vận hành hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh.

- Không bố trí các dự án thứ cấp có nguy cơ gây ô nhiễm cao về bụi, khí thải, mùi ở các lô đất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với khu dân cư.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Giám sát, yêu cầu dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.
- Các loại chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ tại khu tập kết diện tích khoảng 50 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn, đất được nạo vét từ kênh mương thủy lợi được tận dụng để đắp bù tại các lô đất nhằm nâng cao cos nền, không vận chuyển ra ngoài phạm vi Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí 03 thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu nhà điều hành, khu trạm xử lý nước thải của Dự án.

- Bố trí 01 kho chứa với diện tích khoảng 30 m² tại khu đất kỹ thuật để lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt đường, hạ tầng. Bùn thải tại hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải, hố ga lắng cặn, bể tự hoại 3 ngăn, bể tách mỡ được hút trực tiếp vào xe bồn của đơn vị xử lý, không lưu chứa trong kho. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp được chủ các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp thực hiện theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở thứ cấp.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên

địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại công trường thi công bố trí 06 thùng phuy (120 lít/thùng) để lưu chứa chất thải nguy hại; riêng mã bao bì kim được đặt trên khay chứa chống tràn bằng nhựa. Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời bằng container 40 feet (diện tích khoảng 30 m²) được bố trí đảm bảo đúng quy cách, lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa và 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 26 m² tại lô đất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp được chủ các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp thực hiện theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

- Quản lý kiểm soát thiết bị thi công; tổ chức thi công hợp lý, trang bị đầy đủ biện pháp bảo vệ cho công nhân.

- Che chắn công trường bằng tường rào để hạn chế truyền âm ra bên ngoài; lựa chọn vị trí tập kết máy móc hợp lý, cách xa khu dân cư.

4.3.2 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Lắp đặt máy phát điện, thiết bị của trạm xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung; định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Các dự án/cơ sở đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho từng dự án/cơ sở.

- Yêu cầu về môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác trong quá trình thi công và vận hành dự án

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa kích thước $B \times H = (0,4 \times 0,6)$ m và các hố lắng đất cát, dung tích $2 \text{ m}^3/\text{hố}$, mật độ khoảng $30 \text{ m}/\text{hố}$ quanh khu vực thi công để thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn. Thi công xây dựng tới đâu bố trí hố lắng tại đó và hoàn trả sau kết thúc thi công; thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo nước mưa không gây ngập úng khu vực Dự án và xung quanh.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn $\rightarrow$ hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng $\rightarrow$ lắng cặn $\rightarrow$ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Tuân thủ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng CCN Văn Tổ (lần 2) đã được UBND xã Chí Minh phê duyệt: Các chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống thoát nước mặt được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa được thu theo miệng thu bó vỉa rồi chảy vào hệ thống cống nằm dưới vỉa hè, cách block vỉa hè 1,0 đến 1,5m. Xây dựng hệ thống cống hộp $B \times H = 1,5 \times 1,5$ (m) chạy dọc ranh giới phía Nam thoát ra mương thoát nước - là mương thu nước cho khu vực phía Nam thôn Mỹ Ân và nước mặt của CCN. Xây dựng hệ thống BTCT có đường kính cống từ D600 đến D1000, độ dốc cống 0,10% - 0,17% đặt dưới vỉa hè, chảy từ Bắc xuống Nam. Bố trí cống BTCT D300, D400 bao quanh ranh giới giáp khu vực dân cư lân cận.

- Định kỳ thực hiện nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên tuyến để bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình diện thu hồi, giải phóng mặt bằng

a) Giảm thiểu tác động thu hồi đất, chiếm dụng đất nông nghiệp

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giảm thiểu tác động chiếm dụng vĩnh viễn kênh mương nội đồng

Thực hiện hoàn trả công trình thủy lợi. Chỉ triển khai phá dỡ các công trình thủy lợi hiện trạng sau khi hoàn thành xây dựng hoàn trả và đưa vào sử dụng các công trình thủy lợi thay thế.

c) Giảm thiểu tác động do di chuyển đường điện trung thế hiện có 35kV

Di chuyển đường dây 35kV hiện có đoạn qua CCN: di chuyển 1 lộ từ Trạm biến áp Vân Đồng hiện có đi dọc đường dân sinh phía Tây Bắc và đường gom đường tỉnh 391; 1 lộ đi dọc đường đi vào thôn Đông Lâm ra đường gom đường tỉnh 391.

d) Giảm thiểu tác động do lưu trữ lớp đất hữu cơ

Bố trí bãi chứa đất hữu cơ diện tích mỗi bãi chứa không quá 100 m² và chiều cao bãi chứa không quá 1,5 m. Toàn bộ bùn, đất hữu cơ từ hoạt động bóc đất bề mặt trong phạm vi Dự án được tập kết tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh và tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây trong khuôn viên Dự án.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình do hoạt động thi công, xây dựng dự án

a) Giảm thiểu tác động đến khu vực dân cư lân cận

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến khu dân cư lân cận như tưới ẩm công trường, che phủ vật liệu, bố trí khu tập kết xa khu dân cư và lắp đặt hàng rào che chắn. Máy móc, thiết bị thi công được vận hành theo lịch trình hợp lý; áp dụng biện pháp giảm ồn, giảm rung tại các khu vực gần dân cư. Đồng thời, thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án được chấp thuận và xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch nhằm hạn chế nguy cơ ngập úng khu vực xung quanh.

b) Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Thực hiện phương án tổ chức giao thông khi xây dựng nút giao kết nối Cụm công nghiệp với TL391;

- Thực hiện phương án tổ chức giao thông khi triển khai dự án tại các tuyến đường vào khu dân cư xung quanh dự án.

c) Giảm thiểu tác động đến an ninh, xã hội

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, ban hành nội quy về an ninh trật tự, giờ làm việc, sinh hoạt và ứng xử với cộng đồng. Nghiêm cấm cờ bạc, rượu bia, gây rối, xô xát, trộm cắp. Phối hợp với chính quyền, công an và y tế địa phương để quản lý tạm trú, xử lý mâu thuẫn phát sinh và phòng chống dịch bệnh.

d) *Giảm thiểu tác động đến hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước khu vực lân cận*

- Duy trì khả năng cấp nước tưới, tiêu và thoát nước: Trước khi san nền, Chủ đầu tư hoàn trả kênh mương theo phương án được chấp thuận; bố trí mương tạm/rãnh thoát nước trong quá trình thi công để không làm gián đoạn hệ thống thủy lợi hiện trạng.

- Hạn chế bồi lắng, tắc nghẽn: Thu gom bùn đất, vật liệu, chất thải đúng nơi quy định; nước thải và nước mưa chảy tràn được thu gom, lắng cặn/xử lý trước khi thoát ra môi trường.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Sự cố sụt lún công trình: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

- Sự cố do hoạt động bơm nước, cát san nền: Sử dụng tuyến ống bơm có khả năng chịu áp phù hợp; kiểm tra đảm bảo an toàn tại vị trí đặt ống trước khi vận hành; bố trí nhân lực theo dõi trong quá trình bơm; không vận hành vượt lưu lượng, áp lực cho phép; bố trí bao cát, rãnh thu gom hoặc bờ chắn tạm tại vị trí

có nguy cơ rò rỉ; khi có sự cố phải dừng bơm, cô lập đoạn ống, thu gom cát/bùn/nước tràn và chỉ vận hành lại sau khi khắc phục an toàn.

4.5.2. Giai đoạn vận hành

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp

- Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của các dự án/cơ sở thứ cấp; định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu nước thải sau xử lý của từng cơ sở với tần suất phù hợp theo ngành nghề, quy mô và mức độ rủi ro môi trường, nhằm bảo đảm nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung.

- Trường hợp nước thải của cơ sở thứ cấp không đạt tiêu chuẩn đầu nối, Chủ đầu tư hạ tầng sẽ tạm dừng tiếp nhận, đóng van đầu nối hoặc cách ly dòng thải; đồng thời yêu cầu cơ sở khẩn trương khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải. Việc tiếp nhận lại chỉ thực hiện sau khi có kết quả kiểm tra cho thấy nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung

- Xây dựng, hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy mô, công nghệ thiết kế; bố trí van chặn tại đầu ra bể khử trùng và van phai tại cửa xả nước thải trước khi thoát ra môi trường, bảo đảm có thể cô lập dòng thải trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn hoặc hệ thống xảy ra sự cố.

- Xây dựng và vận hành 01 hồ sự cố dung tích 550 m³, bảo đảm khả năng lưu chứa nước thải tối đa trong khoảng 24 giờ. Hồ sự cố được xây dựng kiên cố, nền đầm chặt, lót vải địa kỹ thuật và màng HDPE chống thấm, thành hồ cao hơn cao độ san nền khoảng 0,3 m để hạn chế nước mưa chảy tràn vào hồ. Khi trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được dẫn/lưu giữ tại hồ sự cố; sau khi sự cố được khắc phục, nước thải được bơm trở lại trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Bố trí máy phát điện dự phòng, thiết bị dự phòng cần thiết và nhân viên vận hành thường trực để bảo đảm trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định. Nhân viên vận hành được tập huấn, thực hiện giám sát hằng ngày, vận hành và bảo dưỡng hệ thống theo đúng quy trình đã thiết lập.

- Quy định trong văn bản thỏa thuận/hợp đồng đầu nối với các dự án/cơ sở thứ cấp về cơ chế tạm dừng tiếp nhận nước thải khi trạm xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố vượt quá khả năng lưu chứa của hồ sự cố. Các cơ sở thứ cấp phải chủ động bố trí công trình/ biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải phù hợp tại cơ sở mình. Trường hợp hồ sự cố của cụm công nghiệp không còn khả năng tiếp nhận, Chủ đầu tư hạ tầng sẽ đóng van đầu nối, thông báo tạm ngừng tiếp nhận nước thải và yêu cầu các cơ sở thứ cấp vận hành phương án ứng phó sự cố tại chỗ cho đến khi trạm xử lý nước thải tập trung được khắc phục.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom nước thải

Định kỳ kiểm tra, giám sát chất lượng công trình của hệ thống thu gom để kịp thời phát hiện hư hỏng và khắc phục; bố trí máy bơm, đường ống bơm nước thải và phao quay dự phòng để sẵn sàng ứng phó sự cố. Trường hợp phát hiện sự cố, lập tức thông báo cho người phụ trách khu vực xảy ra sự cố; vận chuyển cát, phao quay ngăn tạo bờ để phân lập khu vực rò rỉ nước thải, ngăn chặn nước thải tràn ra xung quanh; thực hiện bơm nước thải bị rò rỉ về trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án; khẩn trương sửa chữa, khắc phục vị trí rò rỉ của hệ thống thu gom nước thải.

d) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi

- Thường xuyên vệ sinh song chắn rác, dọn dẹp hệ thống thu gom nước thải nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi xảy ra sự cố; vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định; chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, nhanh chóng tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

đ) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

Kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

e) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải để kịp thời phát hiện hỏng hóc, rò rỉ, khắc phục kịp thời; định kỳ nạo vét các hố ga, mương thoát nước, cống thoát nước đảm bảo năng lực thoát nước tối đa; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ trong phạm vi Dự án.

- Trường hợp xảy ra ngập úng phải bố trí ngay máy bơm di động để ứng phó sự cố; tổ chức dọn vệ sinh môi trường công cộng, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh để phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan sau ngập úng.

g) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Lập kế hoạch, phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; thực hiện quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất.

- Bố trí 01 kho chứa hóa chất có diện tích 13 m² (nằm trong diện tích 26m² của kho CTNH, có vách ngăn với kho chất thải nguy hại) (tại lô đất kỹ thuật), kho chứa được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định

- Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất, kịp thời xác định vị trí hóa chất tràn đổ; dùng cát khô thấm hút hóa chất tràn đổ. Cát sau khi thấm hóa chất được thu gom, tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

h) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lập và thực hiện phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lắp đặt đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, bảo đảm nguồn nước chữa cháy và kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động.

- Ban hành nội quy, biển báo, sơ đồ thoát nạn và phân công trách nhiệm phòng cháy chữa cháy cho người lao động; yêu cầu kiểm tra, ngắt các thiết bị điện, nguồn nhiệt không cần thiết sau giờ làm việc.

- Định kỳ tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy cho người lao động; bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở thường trực, sẵn sàng xử lý sự cố ban đầu.

- Khi xảy ra cháy nổ, kịp thời báo động, thông báo lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp, phối hợp sơ tán người lao động, khoanh vùng đám cháy và xử lý theo phương án được duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại 01 điểm cách Dự án khoảng 100 m cuối hướng gió và 01 điểm tại khu vực tập trung máy móc, thiết bị thi công.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1 Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.2.2. Chương trình giám sát nước thải

a) Giám sát nước thải tự động, liên tục

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung tại mương quan trắc.
- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.
- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A.
- Chế độ báo cáo: Truyền dữ liệu giám sát môi trường trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

b) Giám sát nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại vị trí xả nước thải sau xử lý vào mương thoát nước của khu vực tại phía Nam dự án.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Độ màu, Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì

(Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr_6^+), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Xianua (CN^-), Amoni (N-NH_4^+), Tổng Phenol, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S^{2-}), Florua (F^-), Clorua (Cl^-), Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide), Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ (tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion), PCB ((Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB153, PCB 180), Chất hoạt động bề mặt anion.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thi công.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người dân tham gia giao thông được biết.

- Thực hiện việc hoàn trả công trình thủy lợi.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đặc biệt là diện tích cây xanh trong cụm công nghiệp; đảm bảo vị trí, phạm vi, ranh giới của trạm xử lý nước thải tập trung trong Cụm công nghiệp đáp ứng các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về khoảng cách an toàn về môi trường; san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của địa phương; xây dựng hệ thống cống thu gom thoát nước mưa theo thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước chung của khu vực, không gây ngập úng.

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp được bố trí phù hợp với các loại hình đầu tư trong Cụm công nghiệp và hoàn

thành việc đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo việc tiếp nhận dự án/cơ sở thứ cấp có phát sinh nước thải vào cụm công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3. của Quyết định này; yêu cầu chủ các dự án thứ cấp vào Cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các Dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Dự án đầu tư, Dự án đầu tư xây dựng./.